

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh tại
các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2016 – 2021, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét Tờ trình số 9368/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chính sách hỗ trợ học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn

1) Đối tượng áp dụng

Học sinh có hạnh kiểm tốt, học lực giỏi trong học kỳ xét, cấp học bổng và đạt được một trong hai tiêu chuẩn: điểm môn chuyên của học kỳ xét, cấp học bổng phải đạt từ 8,5 trở lên hoặc đạt được một trong các giải từ khuyến khích trở lên trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia, quốc tế của năm học đó.

Số lượng học sinh được hỗ trợ học bổng được tính từ cao xuống thấp theo xếp loại vị thứ và cấp cho tối đa 50% số học sinh trong từng lớp của năm học.

2. Mức hỗ trợ 500.000 đồng/học sinh/tháng.

3. Thời gian hưởng 09 tháng/năm học (học kỳ I tính 5 tháng, học kỳ II tính 4 tháng).

Điều 2. Thông qua chính sách đối với đối với giáo viên tham gia dạy bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi thành phố dự thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế; giáo viên hướng dẫn nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp quốc gia; học sinh trong các đội tuyển học sinh giỏi quốc gia các môn văn hóa; học sinh tham gia thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp quốc gia

1. Đối với giáo viên

a. Giáo viên thỉnh giảng không thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố quản lý

- Mức chi 350.000 đồng/tiết.

- Hỗ trợ thêm tiền ăn bằng 280.000 đồng/người/ngày.

b. Giáo viên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố quản lý

Mức chi 350.000 đồng/tiết.

c. Thời gian hưởng

Tối đa không quá 90 ngày cho một đợt bồi dưỡng, mỗi tuần tối đa 6 buổi, mỗi buổi không quá 5 tiết.

2. Đối với học sinh

a. Học sinh trong đội dự tuyển quốc gia được hỗ trợ tiền ăn cho những ngày tham gia bồi dưỡng bằng 100.000 đồng/người/ngày; tối đa không quá 90 ngày.

b. Học sinh được Bộ Giáo dục và Đào tạo gọi vào đội dự thi tuyển chọn đội tuyển quốc tế được hỗ trợ tiền ăn cho những ngày tham gia bồi dưỡng bằng 200.000 đồng/người/ngày; tối đa không quá 90 ngày.

Điều 3. Thông qua chính sách thưởng đối với học sinh đạt giải, giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh đạt giải tại các kỳ thi quốc gia và quốc tế, thủ khoa kỳ thi đại học

1. Đối với học sinh

a. Học sinh đạt giải tại các kỳ thi quốc gia và quốc tế

- Huy chương vàng quốc tế: 140.000.000 đồng
- Huy chương bạc quốc tế: 100.000.000 đồng
- Huy chương đồng quốc tế: 60.000.000 đồng
- Bằng khen quốc tế: 20.000.000 đồng
- Giải nhất quốc gia: 40.000.000 đồng
- Giải nhì quốc gia: 30.000.000 đồng
- Giải ba quốc gia: 20.000.000 đồng
- Giải khuyến khích quốc gia: 10.000.000 đồng

b. Học sinh đạt giải các kỳ thi năng khiếu: Tin học trẻ, Giải toán trên máy tính cầm tay, viết thư quốc tế UPU và các kỳ thi khác tương đương

- Giải Nhất hoặc huy chương vàng quốc tế: 7.000.000 đồng
- Giải Nhì hoặc huy chương bạc quốc tế: 6.000.000 đồng
- Giải Ba hoặc huy chương đồng quốc tế: 5.000.000 đồng
- Giải khuyến khích hoặc bằng khen quốc tế: 3.000.000 đồng
- Giải Nhất hoặc huy chương vàng quốc gia: 4.000.000 đồng
- Giải Nhì hoặc huy chương bạc quốc gia: 3.000.000 đồng
- Giải Ba hoặc huy chương đồng quốc gia: 2.000.000 đồng
- Giải khuyến khích hoặc bằng khen quốc gia: 1.000.000 đồng

c. Học sinh đỗ thủ khoa vào các trường đại học, khối thi của các trường đại học hàng năm

- Đỗ thủ khoa của trường đại học: 6.000.000 đồng
- Đỗ thủ khoa khối thi của trường đại học: 4.000.000 đồng
- Điều kiện:

+ Học sinh đạt thủ khoa vào các trường đại học phải có tổng số điểm 3 môn thi từ 25 điểm trở lên, trong đó không có môn nào dưới 5 điểm.

+ Học sinh đạt thủ khoa khối thi vào các trường đại học phải có tổng số điểm 3 môn thi từ 21 điểm trở lên, trong đó không có môn nào dưới 5 điểm.

2. Đối với giáo viên (tập thể/nhóm giáo viên tham gia bồi dưỡng)

a. Giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế

- Huy chương vàng quốc tế: 56.000.000 đồng

- Huy chương bạc quốc tế:	42.000.000 đồng
- Huy chương đồng quốc tế:	28.000.000 đồng
- Giải nhất quốc gia:	14.000.000 đồng
- Giải nhì quốc gia:	8.000.000 đồng
- Giải ba quốc gia:	6.000.000 đồng

b. Giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh đạt giải các kỳ thi bộ môn năng khiếu: Tin học trẻ; Giải Toán trên máy tính cầm tay; viết thư quốc tế UPU và các kỳ thi khác tương đương

- Giải Nhất hoặc Huy chương vàng quốc tế:	6.000.000 đồng
- Giải Nhì hoặc Huy chương bạc quốc tế:	4.000.000 đồng
- Giải Ba hoặc Huy chương đồng quốc tế:	3.000.000 đồng
- Giải Nhất hoặc Huy chương vàng quốc gia:	3.000.000 đồng
- Giải Nhì hoặc Huy chương bạc quốc gia:	2.000.000 đồng
- Giải Ba hoặc Huy chương đồng quốc gia:	1.500.000 đồng

3. Một học sinh đạt nhiều giải hoặc một giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh đạt nhiều giải các kỳ thi nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì được thưởng tất cả các giải đã đạt. Riêng học sinh đạt thủ khoa tại nhiều trường đại học, thủ khoa nhiều khối thi của các trường đại học thì chỉ được nhận thưởng ở mức cao nhất.

Điều 4. Thông qua chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật được nuôi dạy theo chế độ nội trú tại các cơ sở giáo dục trẻ khuyết tật công lập (Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Đà Nẵng và Trường Chuyên biệt Tương Lai)

1. Đối tượng áp dụng: Học sinh khuyết tật được nuôi dạy theo chế độ nội trú tại các cơ sở giáo dục trẻ khuyết tật công lập (trừ những đối tượng đã được hưởng chính sách học bổng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLTT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về việc quy định chính sách về giáo dục đối với học sinh người khuyết tật).

2. Mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/học sinh/tháng.

3. Thời gian hưởng 09 tháng/năm học.

Điều 5. Thông qua chính sách hỗ trợ cho học sinh của các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập thuộc xã Hòa Bắc và xã Hòa Phú của huyện Hòa Vang và Trường Trung học phổ thông Phạm Phú Thứ

1. Chính sách hỗ trợ cho học sinh là người dân tộc thiểu số đang học nội trú tại Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tri Phương và Trường Trung học phổ thông Phạm Phú Thứ

- a. Mức hỗ trợ 1.200.000 đồng/học sinh/tháng.
 - b. Thời gian hưởng 09 tháng/năm học.
2. Chính sách hỗ trợ kinh phí để tổ chức bán trú cho học sinh tại các trường tiểu học, mầm non trên địa bàn xã Hòa Bắc và Hòa Phú của huyện Hòa Vang
- a. Mức hỗ trợ
 - Đối với học sinh tiểu học:
 - + Học sinh tiểu học là người dân tộc thiểu số, học sinh thuộc diện hộ nghèo: 560.000 đồng/học sinh/tháng;
 - + Học sinh tiểu học thuộc diện hộ cận nghèo, gia đình chính sách (nếu có) 400.000 đồng/học sinh/tháng;
 - + Học sinh tiểu học còn lại 300.000 đồng/học sinh/tháng.
 - Đối với học sinh mầm non:
 - + Học sinh mầm non là người dân tộc thiểu số 560.000/học sinh/tháng;
 - + Học sinh mầm non thuộc hộ nghèo: Ngoài mức hỗ trợ 10% mức lương cơ sở theo quy định tại Nghị định 06/2018/NĐ-CP của Chính phủ, hỗ trợ thêm để bằng mức hỗ trợ đối với học sinh tiểu học thuộc hộ nghèo;
 - + Học sinh mầm non thuộc hộ cận nghèo: Ngoài mức hỗ trợ 10% mức lương cơ sở theo quy định tại Nghị định 06/2018/NĐ-CP của Chính phủ, hỗ trợ thêm để bằng mức hỗ trợ đối với học sinh tiểu học thuộc hộ cận nghèo;
 - + Học sinh mầm non thuộc hộ gia đình chính sách: 400.000 đồng/học sinh/tháng;
 - + Học sinh mầm non còn lại 300.000 đồng/học sinh/tháng.
 - b. Thời gian hưởng 09 tháng/năm học.
3. Chính sách hỗ trợ học phẩm cho học sinh là người dân tộc thiểu số đang học tại
- a. Các trường mẫu giáo trên địa bàn xã Hòa Bắc và xã Hòa Phú
 - Mức hỗ trợ 100.000 đồng/học sinh/tháng.
 - Thời gian hưởng 09 tháng/năm học.
 - b. Các trường tiểu học trên địa bàn xã Hòa Bắc và xã Hòa Phú
 - Mức hỗ trợ 180.000 đồng/học sinh/tháng.
 - Thời gian hưởng 09 tháng/năm học.
 - c. Các trường trung học trên địa bàn xã Hòa Bắc và xã Hòa Phú
 - Mức hỗ trợ 250.000 đồng/học sinh/tháng.

- Thời gian hưởng 09 tháng/năm học.

d. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tri Phương và Trường Trung học phổ thông Phạm Phú Thứ

- Mức hỗ trợ 400.000 đồng/học sinh/năm học.

4. Chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông là người dân tộc kinh thuộc diện hộ nghèo ở các thôn Giàn Bí, Tà Lang thuộc xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang

- Mức hỗ trợ 560.000 đồng/học sinh/tháng.

- Thời gian hưởng 09 tháng/năm học.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện theo quy định phân cấp hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc khiên khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- VP Chủ tịch nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- ĐB HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện, HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Nho Trung